

Số: 4095 /2013/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ
Ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh
tỉnh Thanh Hoá để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các
đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính
sách xã hội; Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 về việc ban hành
cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/4/2005 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã
hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của
Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng
dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ rủi ro của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết
định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2689/STC-QLNS.TTK ngày
30/7/2013 về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ
Ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh
Thanh Hoá để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách
khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạo lập, quản lý, sử
dụng nguồn vốn từ Ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội
Chi nhánh tỉnh Thanh Hoá để cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các
đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- NHCSXH Việt Nam (để b/c);
- TT.Tỉnh uỷ; HĐND tỉnh; UBND tỉnh (để b/c);
- Huyện uỷ, UBND các huyện, thị xã, TP;
- UBMTTQVN và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, HĐND;
- Các ngành thành viên BDD HĐQT NHCSXH tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (HS19512).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

QUY CHẾ

Tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách tỉnh uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Thanh Hoá để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4695/2013/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về việc tạo lập, quản lý, sử dụng vốn từ ngân sách tỉnh uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Thanh Hoá (NHCSXH tỉnh) để thực hiện cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển qua NHCSXH tỉnh được giải ngân, quản lý, sử dụng theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm an toàn và phát triển vốn.

Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng, tham ô và sử dụng vốn từ ngân sách tỉnh không đúng mục đích. Nguồn vốn cho vay phải thu hồi được gốc và lãi, riêng các trường hợp vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan thì được xử lý theo quy định tại Quy chế này.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đối tượng được vay vốn từ nguồn ngân sách tỉnh uỷ thác cho NHCSXH tỉnh

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú dài hạn tại địa phương nơi cho vay, có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo ở xã, phường, thị trấn theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội công bố từng thời kỳ.

b) Người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài thuộc các đối tượng:

- Vợ (chồng), con của liệt sĩ;
- Thương binh (kể cả thương binh loại B được xác nhận từ ngày 31/12/1993 trở về trước, nay gọi là quân nhân bị tai nạn lao động), người hưởng chính sách như thương binh, mất sức lao động từ 21% trở lên (gọi chung là thương binh);

- Vợ (chồng), con của thương binh;
- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; con của người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng được thưởng huân, huy chương kháng chiến; con của cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8/1945;
- Vợ (chồng), con của các đối tượng bị nhiễm chất độc da cam, dioxin;
- Người lao động thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc điều chỉnh chuẩn hộ nghèo trong từng giai đoạn.

Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn để cho vay

Hàng năm, NHCSXH tỉnh báo cáo kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn cho vay và Kế hoạch sử dụng vốn năm tiếp theo, gửi Sở Tài chính và UBND tỉnh.

Căn cứ kết quả sử dụng nguồn vốn cho vay của các năm trước, Kế hoạch sử dụng nguồn vốn cho vay năm tiếp theo (được xây dựng dựa trên mục tiêu giảm nghèo và tạo việc làm của tỉnh, số lượng lao động của địa phương đi làm việc tại nước ngoài...) và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung nguồn vốn cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác uỷ thác qua NHCSXH tỉnh để thực hiện.

Điều 5. Cơ chế quản lý, sử dụng vốn cho vay

Trên cơ sở tham mưu của NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp tỉnh quyết định phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng hàng năm để làm căn cứ thực hiện. Cụ thể:

- Đối với cho vay hộ nghèo và hộ cận nghèo: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn cơ chế cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo của NHCSXH Việt Nam.

- Đối với cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đối với lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài và các văn bản hướng dẫn cơ chế cho vay Xuất khẩu lao động hiện hành của NHCSXH Việt Nam.

Mức cho vay áp dụng mức trần đối với từng thị trường theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Điều 6. Quản lý, sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách tỉnh

Hàng quý, căn cứ vào số lãi thu được, NHCSXH tỉnh thực hiện việc phân bổ theo tỷ lệ phân chia lãi cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách từ nguồn vốn Ngân sách tỉnh uỷ thác qua NHCSXH Chi nhánh Thanh Hoá. Cụ thể:

- Trích lập quỹ dự phòng rủi ro: 5%;

- Trích bổ sung vốn gốc để cho vay: 20%;
- Chi phí quản lý của NHCSXH tỉnh để chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn, chi trả phí uỷ thác cho tổ chức Hội, đoàn thể nhận uỷ thác và các chi phí quản lý khác: 65%;
- Chi phí cho hoạt động Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: 10%.

Điều 7. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Chỉ xử lý rủi ro đối với các trường hợp do nguyên nhân khách quan vay vốn từ nguồn vốn Ngân sách địa phương.

2. Nguyên tắc xử lý nợ, biện pháp xử lý nợ, thời điểm xem xét xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của Chính phủ đối với các chương trình tín dụng của NHCSXH tỉnh và cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH.

3. Về thẩm quyền xử lý rủi ro

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hình thức xử lý rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với vốn vay từ nguồn Ngân sách địa phương; đồng thời, ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH tỉnh quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng.

4. Về nguồn vốn xử lý rủi ro

a. Nguồn vốn để xoá nợ gốc, lãi cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của NHCSXH tỉnh được tạo lập từ nguồn vốn địa phương. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ để xử lý rủi ro thì NHCSXH tỉnh lập đề xuất, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý quyết định cấp kinh phí bù đắp hoặc giảm trừ nguồn vốn cho vay.

b. Nguồn vốn để gia hạn nợ, khoan nợ cho khách hàng được tính trong tổng nguồn vốn địa phương đã uỷ thác cho NHCSXH tỉnh.

Trong thời gian gia hạn nợ, NHCSXH tỉnh lãi, thu lãi đối với khách hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo chế độ quy định;

Trong thời gian khoan nợ, NHCSXH tỉnh không tính lãi, không thu lãi đối với khách hàng. Khi tính toán, xác định số cấp bù chênh lệch lãi suất hàng năm, đối với số dư nợ cho vay được khoan, NHCSXH tỉnh được tính lãi suất cho vay bằng 0% trong thời gian khoan nợ.

Điều 8. Hạch toán, theo dõi

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ cho vay được theo dõi trên tài khoản riêng theo quy định của NHCSXH Việt Nam và các quy định có liên quan của Nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

- Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của NHCSXH tỉnh, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung nguồn vốn cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác uỷ thác qua NHCSXH Thanh Hóa để thực hiện.

- Thẩm định xử lý nợ bị rủi ro, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của NHCSXH tỉnh;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm tra tình hình và kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng vốn ngân sách uỷ thác qua NHCSXH tỉnh;

- Thẩm tra, quyết toán đối với việc phân phối và sử dụng lãi thu được tại NHCSXH tỉnh hàng năm.

2. Các cơ quan, tổ chức được cử người tham gia Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp tỉnh, ngoài chức năng quản lý chuyên ngành thuộc thẩm quyền, có trách nhiệm tham mưu cho Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh và UBND tỉnh về chủ trương, chính sách và giải pháp cơ bản để thực hiện tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay. Đồng thời, thường xuyên tập huấn nghiệp vụ uỷ thác cho đội ngũ cán bộ các cấp và Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và Vay vốn; trường hợp cần thiết có thể phối hợp với NHCSXH cùng cấp thực hiện.

- Kết hợp với các cơ quan khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư... hướng dẫn giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác sử dụng vốn vay có hiệu quả và thực hiện lồng ghép các chương trình dự án tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập.

- Tổ chức kiểm tra giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và Hợp đồng uỷ thác đã ký với NHCSXH.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Định kỳ hàng năm, NHCSXH tỉnh báo cáo kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn cho vay được uỷ thác và kế hoạch sử dụng vốn năm tiếp theo gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính theo quy định.

- Quản lý và sử dụng vốn ngân sách của tỉnh uỷ thác cho NHCSXH tỉnh theo đúng quy định của pháp luật;

- Chủ động tham mưu cho Trưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp tỉnh trong việc kịp thời phân bổ chi tiêu kế hoạch tín dụng hàng năm.

- Phối hợp với tổ chức chính trị, xã hội nhận ủy thác các cấp tập huấn qui trình nghiệp vụ các chương trình cho vay cho cán bộ Hội, đoàn thể và Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và Vay vốn; trực tiếp giải ngân và thu hồi vốn.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định; lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro (nếu có) gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Định kỳ 30/6; 31/12 hoặc khi có yêu cầu đột xuất, lập báo cáo kết quả xử lý nợ rủi ro gửi, gửi Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh & Xã hội và Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp tỉnh.

- Lập báo cáo quyết toán việc phân chia và sử dụng lãi cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo các đối tượng chính sách theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, gửi Sở Tài chính (thời hạn nộp báo cáo quyết toán năm chậm nhất là sau 45 ngày, sau khi kết thúc kỳ kế toán năm).

5. Chủ tịch UBND cấp huyện

- Chỉ đạo các ngành và Ban Chỉ đạo giảm nghèo của huyện phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND cấp xã chấp hành đầy đủ các quy định về thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn, bình xét cho vay, xác nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ, trả lãi tiền vay của người vay.

6. Chủ tịch UBND cấp xã

- Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

- Tổ chức và chỉ đạo Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo cấp xã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, Trưởng thôn giám sát việc bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác tại đơn vị cấp thôn để thực hiện cho vay vốn, bảo đảm dân chủ và công khai; xác nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn; phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội nhận ủy thác, Tổ Tiết kiệm và Vay vốn kiểm tra việc sử dụng vốn của hộ vay và đôn đốc thu lãi, thu hồi nợ.

- Có xác nhận và ý kiến về đề nghị của người vay đối với các trường hợp được xử lý rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của nội dung xác nhận.

- Chủ động điều chỉnh, bổ sung kịp thời vào Danh sách những hộ thuộc diện nghèo, cận nghèo theo tiêu chí được cấp có thẩm quyền quy định;

- Phối hợp với các Ban, ngành chức năng cấp huyện, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác tổ chức mở các lớp hướng dẫn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, kiến thức về thị trường..., quy chế vay vốn, trả nợ của NHCSXH.

Điều 10. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và các đơn vị liên quan có văn bản phản ánh, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn ngân sách tỉnh chuyển qua NHCSXH đúng mục đích và có hiệu quả/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng